NHÓM TỪ CHỈ MÙI HƯƠNG TRONG *TRUYỆN KIỀU*

Nguyễn Thị Quốc Minh^{a*}

*^aKhoa Văn học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam*

**Tác giả liên hệ: Email: ntquocminh1212@gmail.com*

Lịch sử bài báo

Nhận ngày 29 tháng 12 năm 2020

Chỉnh sửa ngày 08 tháng 02 năm 2021 | Chấp nhận đăng ngày 23 tháng 02 năm 2021

Xuất bản trực tuyến ngày 16 tháng 4 năm 2021

Tóm tắt

Trong “Truyện Kiều” mùi-hương được thể hiện rất phong phú so với các tác phẩm văn học cổ điển Việt Nam khác. Tuy nhiên hương, thơm, mùi, hơi có sự khác nhau khá rõ. Có những sự vật, những loại người có hương mà không có mùi, và ngược lại. Ý nghĩa biểu cảm của mùi-hương rất khác nhau, được thể hiện theo những lý tưởng thẩm mỹ, những nguyên tắc nghệ thuật khác nhau. Bài viết này muốn đi sâu vào tìm hiểu vấn đề ấy. Đó cũng là một cách để khám phá, khẳng định thiên tài nghệ thuật của Nguyễn Du.

Từ khóa: Mùi hương; Nguyễn Du; *Truyện Kiều*.

DOI: [http://dx.doi.org/10.37569/DalatUniversity.11.2.816\(2021\)](http://dx.doi.org/10.37569/DalatUniversity.11.2.816(2021))

Loại bài báo: Bài báo nghiên cứu gốc có bình duyệt

Bản quyền © 2021 (Các) Tác giả.

Cấp phép: Bài báo này được cấp phép theo CC BY-NC 4.0

WORDS FOR SCENT AND FRAGRANCE IN *THE TALE OF KIEU*

Nguyen Thi Quoc Minh^{a*}

^a*The Faculty of Literature, University of Social Sciences and Humanities,
Vietnam National University Ho Chi Minh City, Ho Chi Minh City, Vietnam*

^{*}*Corresponding author: Email: ntquocminh1212@gmail.com*

Article history

Received: December 29th, 2020

Received in revised form: February 8th, 2021 | Accepted: February 23rd, 2021

Available online: April 16th, 2021

Abstract

Words for scent and fragrance appear in more abundance in “The Tale of Kieu” than in any other classical Vietnamese literary work. However, scent, aroma, smell, and fragrance are quite different. There are things and people who have a fragrance without a smell and vice versa. The expressive meanings of scent are very different and are expressed according to different aesthetic ideals and artistic principles. This article gives an in-depth exploration and understanding into such matters. This is also a way to discover and assert that Nguyen Du was an artistic genius.

Keywords: Fragrance; Nguyen Du; *The Tale of Kieu*.

DOI: [http://dx.doi.org/10.37569/DalatUniversity.11.2.816\(2021\)](http://dx.doi.org/10.37569/DalatUniversity.11.2.816(2021))

Article type: (peer-reviewed) Full-length research article

Copyright © 2021 The author(s).

Licensing: This article is licensed under a CC BY-NC 4.0

1. DẪN NHẬP

Trong *Truyện Kiều*, mùi-hương được thể hiện rất phong phú: hương hoa, hương khói, hương lửa, mùi hương của người, hương của đất trời, hương của thời gian, mùi ca ngâm, mùi nhớ, mùi đắng cay... tạo thành một trường từ vựng về sự cảm nhận thế giới bằng khứu giác. Không có một tác phẩm văn học cổ điển nào của nước ta có sự thể hiện mùi hương một cách phong phú, tinh tế như thế. Tuy nhiên hương, thơm, mùi, hơi có sự khác nhau khá rõ. Có những sự vật, những loại người có hương mà không có mùi, và ngược lại. Ý nghĩa biểu cảm của mùi-hương rất khác nhau, được thể hiện theo những lý tưởng thẩm mỹ, những nguyên tắc nghệ thuật khác nhau. Bài viết này muốn đi sâu vào tìm hiểu vấn đề ấy. Đó cũng là một cách để khám phá, khẳng định thiên tài nghệ thuật của Nguyễn Du.

2. NỘI DUNG

2.1. Hương - từ chỉ vật dụng trở thành từ chỉ tình yêu nam nữ

Chữ *hương* và nhóm từ vựng chỉ sự cảm nhận đời sống bằng khứu giác: *mùi, thơm, hơi, nức, sực nức, hôi*... được Nguyễn Du sử dụng rất phong phú, trong đó chữ *hương* với nghĩa là mùi (không phải “*hương*” trong “*quê hương*” là từ đồng âm) được Nguyễn Du sử dụng đến 57 lần, hơn hẳn các từ khác.

Chữ *hương* trong *Truyện Kiều* có nhiều nghĩa, trước hết nó là *vật để đốt, thắp* cho hương hồn người đã khuất hay cầu khẩn thần phật.

Đó là hương thắp trên mộ Đạm Tiên trong đoạn mở đầu *Truyện Kiều*:

Rằng: Sao trong tiết thanh minh

Mà đây hương khói vắng tanh thế mà?

(Nguyễn, 1999, tr. 109)

Hay:

Đã không kẻ đoái người hoài

Sẵn đây ta kiếm một vài nén hương

(Nguyễn, 1999, tr. 111)

Đó cũng là nén hương Kiều cầu thần phật giúp mình trước khi bị bọn Ưng, Khuyển bắt đi:

Nén hương đến trước Thiên đài

Nỗi lòng khẩn chữa nạn lời vân vân.

(Nguyễn, 1999, tr. 181)

Trong *Truyện Kiều* rất nhiều lần Thúy Kiều và các nhân vật khác thắp hương: “*Xuất thần giây phút chưa tàn nén hương*” (Nguyễn, 1999, tr. 197), “*Nén hương đến trước Thiên đài*” (Nguyễn, 1999, tr. 197), “*Quét sân, đặt trác, rửa bình, thắp hương*.” (Nguyễn, 1999, tr. 205)... Chữ *hương* có thể xuất hiện với nhiều vật dụng thờ cúng để tạo ra các từ ghép khác: *hương án, hương hoa, hương hỏa, hương trà, hương đèn, hương dầu/ dầu hương*... Điều này cho thấy trong *Truyện Kiều* cuộc sống có nhiều bất trắc, nhiều nỗi sợ hãi nên người ta phải cầu xin những lực lượng siêu nhiên giúp đỡ, đồng thời cũng cho thấy đời sống tâm linh rất được Nguyễn Du chú ý.

Chữ *hương* này có liên hệ với mùi hương, mùi thơm hay chỉ là từ đồng âm thôi? Có! Hương không phải chỉ để thắp trong lúc thờ cúng, mà nó còn là hương trầm thắp cho thơm. Thúy Kiều và Kim Trọng, Thúy Kiều và Thúc Sinh gặp nhau, bên sắc bên tài, bên giai nhân bên tài tử, nên thường xuất hiện trong bầu không khí thơm tho. Đây là một nguyên tắc nghệ thuật, không phải là hiện thực đời thường. Trong đời thường người có tiền (như Tú Bà, Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Hoạn Bà, Hoạn Thư...) đều có thể mua và sử dụng hương trầm đốt cho thơm, nhưng trong *Truyện Kiều* thì không. Nguyễn Du không cho những nhân vật xấu ác được đốt hương trầm, nhưng lại để cho cặp tài tử-giai nhân mà mình yêu thương, quý trọng xuất hiện trong bầu không khí thơm ngát hương trầm. Đó là hương trầm trong nhà Kim Trọng khi Kiều lần đầu qua thăm:

*Bây giờ rõ mặt đôi ta,
Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao?
Vội mừng làm lễ rước vào,
Đài sen nói sấp song đào thêm hương.*

(Nguyễn, 1999, tr. 127)

Và trong chặng cuối của cuộc đời lưu lạc, Kim-Kiều đốt hương trầm trong bình và mời nhau chén rượu vui:

*Thêm nén giá nói hương bình,
Cùng nhau lại chuốc chén quỳnh giao hoan.*

(Nguyễn, 1999, tr. 251)

Hương trầm cũng được đốt lên thơm nức trong đời sống phong lưu của Thúc Sinh-Thúy Kiều:

*Khi hương sớm khi trà trưa
Bàn vây điểm nước đường tơ họa đàn.*

(Nguyễn, 1999, tr. 166)

Có điều lạ nữa là mối tình đẹp nhất trong *Truyện Kiều* – mối tình Kim-Kiều luôn xuất hiện cùng với hương thề nguyên: nén hương, mảnh hương, lò hương.

Từ sau đêm thề nguyện “*đình ninh hai miệng một lời song song*”, thì tình yêu, nỗi nhớ của họ luôn xuất hiện cùng với lò đốt hương, mảnh hương trầm sót lại:

Đây là lời của Thúy Kiều nói với em trong đêm trao duyên, trao rồi mà còn luyến tiếc, mà chỉ nghĩ đến cái chết:

*Mai sao dầu có bao giờ,
Đốt lò hương ấy, so tơ phím này
Trông ra ngọn cỏ lá cây,
Thấy hiu hiu gió thì hay chị về.*

(Nguyễn, 1999, tr. 141)

Đến cuối truyện thì lò hương, mảnh hương cũ xuất hiện dày đặc – xuất hiện trong nỗi nhớ, nỗi hận của chàng Kim:

*Thề xưa giờ đến kim hoàn
Của xưa lại giờ đến đàn với hương.*

(Nguyễn, 1999, tr. 234)

*Có khi vắng vẻ thư phòng
Đốt lò hương giờ phím đồng ngày xưa*

(Nguyễn, 1999, tr. 236)

*Lời xưa đã lỗi muôn vàn
Mảnh hương còn đó phím đàn còn đây*

(Nguyễn, 1999, tr. 240)

Nhiều lần Nguyễn Du nói rõ là *hương nguyên*, *hương thề* của đôi trai gái:

*Mái tây để lạnh hương nguyên
Cho duyên đầm thắm ra duyên bề bàng.*

(Nguyễn, 1999, tr. 130)

*Mất người còn chút của tin
Phím đàn với mảnh hương nguyên ngày xưa.*

(Nguyễn, 1999, tr. 141)

*Tái sinh chưa dứt hương thề
Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai.*

(Nguyễn, 1999, tr. 139)

Lò hương, mảnh hương còn sót lại, không chỉ là một vật dụng, cũng không chỉ là một kỷ vật, mà hình như nó là biểu tượng của một tình yêu đậm thắm, tình yêu một đời, nhưng cay đắng, lỡ làng – một mảnh “tâm hương” suốt đời không quên!

Tình yêu trong *Truyện Kiều* được Nguyễn Du dùng với nhiều từ, nhiều cách nói khác nhau như tình ái, tình chung, tình duyên, tình si, tơ tình, cầm sắt, trúc mai... trong đó “*hương lửa/ lửa hương*”, và được dùng rất nhiều lần:

Trách lòng hờ hững với lòng

Lửa hương chốc để lạnh lòng bấy lâu.

(Nguyễn, 1999, tr. 124)

Dạy rằng: Hương lửa ba sinh

Dây loan xin nối cầm lành cho ai.

(Nguyễn, 1999, tr. 224)

Từ “*hương lửa*” có thể là cách nói gọn lại của cụm từ “*hương lửa ba sinh*”, một cách Việt hóa cụm từ gốc Hán “Tam sinh hương hỏa”. Đây là một điển cố Phật giáo, chuyện kể rằng: trong ngôi chùa nọ có một nhà sư lúc nào cũng phảng phất khói hương trước mặt, hỏi ra thì mới biết đó là hương lửa 3 đời thấp chưa tàn. Thế nhưng vào đến *Truyện Kiều* “*hương lửa ba sinh*” không còn dùng với ý nghĩa duyên kiếp chung chung ấy nữa, mà chỉ dùng để chỉ tình yêu nam nữ. Hương lửa có thể chỉ là sự gần bó cạnh nhau như hương và lửa; hương lửa có thể là mùi thơm của hương tình ái, độ nồng nàn của lửa ham muốn, nên Nguyễn Du dùng để chỉ sự gần bó của tình yêu là vậy. Như tình yêu của Thúc Sinh với Kiều: “*Hương càng đượm lửa càng nồng/ Càng sôi vẻ ngọc càng lồng màu sen.*” (Nguyễn, 1999, tr. 170); của Từ Hải với Kiều: “*Nửa năm hương lửa đương nồng/ Trượng phu thoát đã động lòng bốn phương.*” (Nguyễn, 1999, tr. 208); của Kim Trọng với Kiều: “*Đàn cầm khéo ngân ngơ dây/ Lửa hương biết có kiếp này nữa thôi?*” (Nguyễn, 1999, tr. 240), chỉ có tình cảm ba nhân vật ấy với Kiều được dùng từ “*hương lửa*” mà thôi.

Khi sử dụng từ “*hương lửa*” thì tình yêu, với Nguyễn Du, không chỉ là sự gần bó, cũng không đơn giản chỉ là xúc động của tình cảm, của ham muốn nhục thể; mà hơn thế, nó có gì bí ẩn, linh thiêng, nó như một lời thề nguyện, như sự *gặp gỡ từ tiền kiếp*, như là *một định mệnh* gắn kết số phận người ta.

2.2. Hương - từ chỉ mùi thơm trở thành từ chỉ vật quý và nhan sắc

Từ *hương* là mùi thơm, từ nghĩa cụ thể ấy nó phái sinh thêm những nghĩa trừu tượng khác.

Hương thơm thường gắn với những gì tốt đẹp, nó thành *mỹ từ để chỉ sự tốt đẹp, sự giàu sang quyền quý*, như: “*Hương lân*” là người hàng xóm tốt (Kim Trọng nói với Kiều: *Trộm nghe thơm nức hương lân/ Một nền Đồng Tước khoá xuân hai Kiều* (Nguyễn, 1999, tr. 114)); “*Nhà hương*” - nhà cao sang (như nhà của Hoạn Thư: *Nhà hương cao cuốn bức là/ Buồng trong truyền gọi nàng ra lạy mừng.* (Nguyễn, 1999, tr. 189)); “*Thư*

huong”: hương sách vở, chí truyền thống, phong cách, gia thế, dòng dõi học vấn (*Nghĩ rằng cũng mạch thư hương/ Hỏi ra mới biết rằng chàng Sở Khanh* (Nguyễn, 1999, tr. 156)); *Khách du bồng có một người/ Kỳ Tâm họ Thúc cũng nài thư hương* (Nguyễn, 1999, tr. 165)). Thậm chí *huong* còn là tiếng tốt, nó được dùng như danh từ ẩn dụ chỉ người, ở đây là Kim Trọng, tiếng thơm của chàng bay xa, đi xa, đã đi trước chàng về quê “*Cửa trời rộng mở đường mây/ Hoa chào ngõ hạnh huong bay dặm phần.*” (Nguyễn, 1999, tr. 36).

Huong thường hay gắn với phụ nữ, nên nó được dùng chỉ vật dụng của *phụ nữ đẹp, quý phái* như:

- “*Hương khuê*”, “*phòng hương*” – phòng của phụ nữ:

Hoa khô một tiếng Kiều nhi

Thiếp hồng tìm đến huong khuê gửi vào.

(Nguyễn, 1999, tr. 165)

Hay:

Chạy vào chốn cũ phòng hương

Trong tro thấy một đống xương cháy tàn.

(Nguyễn, 1999, tr. 183)

- “*Xe hương*” – xe của phụ nữ, ở đây là xe của Hoạn Thư:

Roi câu vừa gióng dặm trường

Xe hương nàng cũng thuận đường quy ninh.

(Nguyễn, 1999, tr. 180)

Chữ *huong* thường được chỉ *nhân sắc của phụ nữ*. Thúy Kiều nói với Thúc Sinh:

Bình Khang nắn ná bấy lâu,

Yêu hoa yêu được một màu điểm trang.

Rồi ra lạt phai huong,

Lòng kia giữ được thường thường mãi chẳng?

(Nguyễn, 1999, tr. 168)

Huong chỉ nhân sắc phụ nữ nói chung, nhưng với một vài người có vẻ đẹp hiếm có thì Nguyễn Du dùng từ *thiên hương/ hương trời*, tức nhân sắc phụ nữ là *huong của trời đất*. Từ này thường gắn với “*quốc sắc*”, thành cụm từ chỉ vẻ tuyệt mỹ của phụ nữ “*Quốc sắc thiên hương*”, “*Sắc nước hương trời*”:

Trong *Truyện Kiều* chỉ có Đạm Tiên và Thúy Kiều mới được Nguyễn Du dùng từ ấy.

Như vẻ đẹp của Đạm Tiên qua lời kể của Vương Quan:

*Kiếp hồng nhan có mong manh
Nửa chừng xuân thoát gậy cành thiên hương.
(Nguyễn, 1999, tr. 110)*

Vẻ đẹp của Thúy Kiều qua nhận định của Mã Giám Sinh – một tay chơi, một tay buôn người sành sỏi:

*Đã nên quốc sắc thiên hương
Một cười này hắt nghìn vàng chẳng ngoa.
(Nguyễn, 1999, tr. 145)*

Hoặc qua lời của Sở Khanh:

*Than ôi! sắc nước hương trời
Tiếc cho đâu bỗng lạc loài đến đây?
(Nguyễn, 1999, tr. 156)*

Vẻ đẹp trời cho ấy trong *Truyện Kiều* có khi dùng thành danh từ để chỉ vẻ đẹp *Thúy Kiều* hoặc *bản thân Thúy Kiều*. Từ *hương* trong những trường hợp này để chỉ Thúy Kiều, vì thế không cần nói tên, không cần dùng các đại từ, chỉ cần dùng “*hương*” là biết ngay là con người nhan sắc có một không hai:

*Một cơn mưa gió nặng nề
Thương gì đến ngọc tiếc gì đến hương.
(Nguyễn, 1999, tr. 146)*

*Thỏ quan theo vót vôi vàng
Thời đà đắm ngọc chìm hương mất rồi!
(Nguyễn, 1999, tr. 226)*

Hay chữ *hương* chỉ vẻ đẹp sau một cuộc đời chìm nổi:

*Tuồng chi hoa thái hương thừa
Mượn màu son phấn đánh lừa con đen.
(Nguyễn, 1999, tr. 171)*

*Rõ ràng hoa rụng hương bay
Kiếp sau họa thấy kiếp này hắt thôi.
(Nguyễn, 1999, tr. 242)*

*Lại như những thói người ta
Vớt hương dưới đất bẻ hoa cuối mùa.*

(Nguyễn, 1999, tr. 249)

Hương thơm thường gắn với người đẹp, hay ngược lại *người đẹp mới được Nguyễn Du miêu tả có hương thơm*. Đây không phải là sự miêu tả hiện thực, vì trong đời sống ai có tiền đều có thể có mua các loại dầu, nước, phấn có mùi thơm. Trong *Truyện Kiều* thì nhiều phụ nữ giàu có lắm: từ Tú Bà đến Hoạn Thư, Hoạn Bà đều có tiền, nhưng chỉ có Đạm Tiên, Thúy Kiều mới được Nguyễn Du miêu tả có mùi hương.

Đây là cảnh Đạm Tiên xuất hiện trên mộ mình:

*Một lời nói chứa kịp thừa
Phút đâu trận gió cuốn cờ đến ngay.
Ào ào đổ lộc rung cây,
Ở trong đường có hương bay ít nhiều.*

(Nguyễn, 1999, tr. 112).

Và cảnh Đạm Tiên đến thăm Kiều vào ban đêm sau buổi sáng viếng mộ:

*Gió đâu xịch bức màn mình,
Tỉnh ra mới biết rằng mình chiêm bao.
Trông theo nào thấy đâu nào
Hương thừa đường hãy ra vào đâu đây.*

(Nguyễn, 1999, tr. 117)

Đạm Tiên đã chết từ xưa, chỉ còn hồn ma xuất hiện, nhưng vì từng là mỹ nhân tuyệt thế, nên hồn ma cũng có mùi hương. Cùng với Đạm Tiên, Thúy Kiều cũng được miêu tả với mùi hương:

*Cách tường phải buổi êm trời,
Dưới đào đường có bóng người thướt tha.
Buông cầm xóc áo vội ra,
Hương còn thơm nức, người đà vắng tanh.*

(Nguyễn, 1999, tr. 120-121)

Người đẹp chưa xuất hiện, mặt mũi chưa rõ, mà chỉ có bóng dáng và hương thơm.

Hay trong đêm thê nguyên, hương thơm của Thúy Kiều tỏa ra, bay lẫn lộn vào quần áo Kim Trọng:

*Tóc tơ căn vặn tác lòng,
Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương.
Chén hà sánh giọng quỳnh tương,
Dải là huong lộn bình gương bóng lờng.*

(Nguyễn, 1999, tr. 127)

Trong ngày gặp nhau, tình yêu dâng trào, dường như nhan sắc và hương thơm cũng vì thế mà tỏa ra nồng nàn hơn:

*Hoa huong càng tỏ thức hồng,
Đầu mày cuối mắt càng nồng tẩm yêu.
Sóng tình dường đã xiêu xiêu,
Xem trong âu yếm có chiều là lời.*

(Nguyễn, 1999, tr. 129)

Chưa có tác giả văn học cổ điển nào miêu tả mùi hương với nhiều biểu hiện phong phú, tinh tế như Nguyễn Du trong *Truyện Kiều*. Từ nghĩa mùi thơm, từ *huong* trở thành mỹ từ chỉ những gì cao quý và những gì gắn với phụ nữ. *Huong* – nếu là hương của trời (*thiên hương/ hương trời*), thì lại là nhan sắc – từ *huong* không còn là tính từ nữa mà trở thành danh từ. Rồi từ danh từ chỉ nhan sắc, từ *huong* lại trở thành đại từ chỉ cụ thể nhan sắc Thúy Kiều. *Huong* là thơm, nhưng lạ một điều, với Nguyễn Du, hương thơm là đặc quyền của nhan sắc, mà lại là nhan sắc của của giai nhân, của những người phụ nữ tốt đẹp – các nhân vật chính diện trong tác phẩm. Đó là những nguyên tắc sáng tạo nghệ thuật khá đặc biệt.

2.3. Về các từ: thơm, mùi, hơi

Trong trường từ vựng liên quan đến mùi hương còn có *thơm*, *mùi*, *hơi*.

2.3.1. Từ “thơm”

Trong *Truyện Kiều* “thơm” là mỹ từ để chỉ vật quý:

*Cảo thơm lần giở trước đèn,
Phong tình cổ lục còn truyền sử xanh.*

(Nguyễn, 1999, tr. 107)

Thơm có khi trừu tượng như là danh thơm:

*Chị dù thịt nát xương mòn,
Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây.*

(Nguyễn, 1999, tr. 140)

Trong tình yêu, thì tình yêu thương, kính trọng và sự trọn vẹn về tâm hồn là điều quan trọng nhất – điều mà Nguyễn Du gọi là “tâm trinh”. Tất nhiên trong điều kiện lý tưởng thì sự toàn vẹn, trong trắng như trăng tròn vành vạnh và hoa thơm còn phong nhị là tốt nhất:

*Nghĩ rằng trong đạo vợ chồng,
Hoa thơm phong nhị, trắng vòng tròn gương.*
(Nguyễn, 1999, tr. 246)

Chữ *thơm* thường thì dùng như một tính từ như trên, nhưng Nguyễn Du cũng có khi dùng như một danh từ, cách dùng từ rất độc đáo “*thơm rơi*”:

*Được rày nhờ chút thơm rơi
Kể đà thiếu nảo lòng người bấy nay!*
(Nguyễn, 1999, tr. 121)

Nguyễn Du miêu tả mùi thơm rất nhiều, *huong* và *thơm* xuất hiện dày đặc trong *Truyện Kiều*, nhưng lạ một điều, Nguyễn Du rất ít khi nói đến mùi hôi. Nếu tôi không lầm thì trong tác phẩm này duy chỉ có một lần mùi hôi xuất hiện, xuất hiện trong nghĩa trầu tượng của nó, chỉ Mã Giám Sinh, giống trâu ngựa dơ bẩn hại người: “*Tuồng chi là giống hôi tanh,/ Thân nghìn vàng để ô danh má hồng.*” (Nguyễn, 1999, tr. 146).

2.3.2. Từ “mùi”

Mùi có nghĩa gốc là sự cảm nhận của khứu giác. Tuy nhiên chữ *mùi* với nghĩa gốc như thế gần như không được Nguyễn Du sử dụng, mà ông thường dùng với nghĩa chuyển, có tính nghệ thuật.

Khi nói về Mã Giám Sinh, Nguyễn Du viết:

*Quá chơi lại gặp hôi đen,
Quen mùi lại kiếm ăn miền nguyệt hoa.*
(Nguyễn, 1999, tr. 144)

Thì chữ *mùi* này dùng để miêu tả họ Mã kiếm ăn như động vật, quen đánh hơi, quen kiếm ăn, như vậy thì không còn là nghĩa gốc nữa. Đó là một thái độ với loại người bản thủ, độc ác, sống trên nỗi khổ đau của đồng loại.

Chữ *mùi* trong tiếng Việt, lạ một điều: không chỉ là cảm nhận của khứu giác mà còn của vị giác:

*Thú quê thuần hức bén mùi,
Giếng vàng đã rụng một vài lá ngó.*
(Nguyễn, 1999, tr. 179)

Mở rộng ý nghĩa hơn nữa, nó còn là phong vị của cuộc sống:

*Mùi thiền đã bén muối dưa,
Màu thiền ăn mặc đã ưa nâu sồng.*

(Nguyễn, 1999, tr. 244)

Hay là thú vị, hứng thú của con người trong đời – “*mùi ca ngâm*”:

*Thông minh vốn sẵn tư trời,
Pha nghề thi họa, đủ mùi ca ngâm.*

(Nguyễn, 1999, tr. 108)

Mùi có thể là mùi trừu tượng hơn: “*mùi đắng cay*” – như lời Thúy Kiều nói với Kim Trọng trong chặng cuối của cuộc tình:

*Nàng rằng: Chút phận hoa rơi,
Nửa đời nếm trải mọi mùi đắng cay.*

(Nguyễn, 1999, tr. 244)

Còn đến “*mùi nhớ*”, thì có lẽ chỉ có ở Nguyễn Du:

*Buông vãn hơi giá như đồng,
Trúc se ngọn thảo, tơ chùng phím loan.
Mành Tương phát phát gió đàn,
Hương gây mùi nhớ, trà khan giọng tình.*

(Nguyễn, 1999, tr. 119)

“*Mùi nhớ*” phải chăng là mùi kỷ niệm, mùi của tâm tưởng?

2.3.3. Từ “*hơi*”

Hơi cũng là từ nằm trong trường từ vựng của mùi hương, vì dù chữ *hơi* có nhiều nghĩa, nhưng trong đó có nghĩa là mùi.

Chữ *hơi* có nghĩa cơ bản là *khí*, *không khí*. Nó là sự cảm nhận của da thịt về không khí bên ngoài. Với nghĩa ấy, chữ *hơi* có vẻ xa với chữ *mùi*, *hương* của khứu giác. Chữ *hơi* với nghĩa này, Nguyễn Du viết rất tinh tế: *hơi giá*, *hơi may*, *hơi nước*:

*Buông vãn hơi giá như đồng
Trúc se ngọn thảo, tơ chùng phím loan.*

(Nguyễn, 1999, tr. 119)

Vì lô san sát hơi may

Một trời thu để riêng ai một người.

(Nguyễn, 1999, tr. 149)

Trên mui lướt lướt áo là

Tuy dầm hơi nước chưa lòa bóng gương.

(Nguyễn, 1999, tr. 230)

Bên cạnh nghĩa cơ bản là khí, không khí, từ *hơi* có nghĩa nữa là *hơi thở*. Hơi cũng là nghĩa gốc của từ *khí*: có khí ngoài trời, và có khí là hơi thở do người và động vật phát ra. *Truyện Kiều* cũng mấy lần đề cập đến từ *hơi* theo nghĩa này, nhưng vẫn không dùng một cách đơn giản, mà dùng để chỉ tâm lý, tính cách nhân vật:

Cạn lời hồn ngất máu say

Một hơi lặng ngất đôi tay lạnh đồng.

(Nguyễn, 1999, tr. 141)

Tú Bà tóc thẳng đến nơi

Hầm hầm áp điệu một hơi lại nhà.

(Nguyễn, 1999, tr. 159)

Rộng thương còn mảnh hồng quần

Hơi tàn được thấy gốc phần là may!

(Nguyễn, 1999, tr. 224)

Từ chỗ là hơi thở, từ “*hơi*” kết hợp với “*tắm*” để thành từ ghép “*tắm hơi*” với nghĩa là tin tức, tiếng tăm:

Nghĩ ra thật cũng nên đường

Tắm hơi ai dễ giữ giàng cho ta?

(Nguyễn, 1999, tr. 174)

Bây giờ mới rõ tắm hơi

Máu ghen đâu có lạ đời nhà ghen!

(Nguyễn, 1999, tr. 193)

Từ hai nghĩa cơ bản là khí và hơi thở, từ *hơi* phát triển theo nghĩa: *Hơi* là vật phát tán ra không khí, có thể cảm nhận bằng khứu giác. Từ *hơi* với nghĩa này có nghĩa âm tính hoặc trung tính:

Trong kết hợp “*hơi đồng*” – hơi đồng, mùi đồng, mùi của đồng tiền, chữ *hơi* có nghĩa xấu:

*Mùi càng tô lục chuốt hồng,
Máu tham hễ thấy hơi đồng thì mê.*

(Nguyễn, 1999, tr. 166)

Trong kết hợp “*hơi tiếng*” thì trung tính, có tính nhục thể “quen hơi bén tiếng” – nam nữ quen hơi thở, quen mùi hơi cơ thể của nhau:

*Nửa năm hơi tiếng vừa quen,
Sân ngô cành biếc đã chen lá vàng.*

(Nguyễn, 1999, tr. 170)

Như vậy từ nghĩa cơ bản là khí, không khí, từ *hơi* đã trở thành từ thuộc trường nghĩa *mùi, hương*, tức những từ thể hiện sự cảm nhận bằng khứu giác. Trong ý nghĩa nào chúng ta cũng thấy khả năng sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt cực kỳ tinh tế của Nguyễn Du: dù là cảm nhận ngoại cảnh như *hơi giá, hơi may*, đến thể hiện tâm lý: *một hơi, hơi tàn*, hay mùi: *hơi đồng, hơi tiếng*, từ *hơi* cũng được sử dụng đầy tính nghệ thuật.

3. KẾT LUẬN

Qua những phân tích trên về nhóm từ vựng chỉ cảm giác của mũi (khứu giác): *hương, thơm, mùi, hơi* trong *Truyện Kiều* ta thấy: từ *hơi* với nghĩa khứu giác được sử dụng ít nhất: 2 lần trong 10 lần từ này xuất hiện. Từ *hơi* ngay cả trong nghĩa mùi cũng được Nguyễn Du sử dụng một cách nghệ thuật chứ không chỉ đơn thuần là thông tin (*hơi đồng, hơi tiếng*) bên cạnh cách cảm nhận “*hơi*” ngoại cảnh hết sức tinh tế. Từ *mùi* được dùng nhiều hơn một chút – 6 lần, nhưng Nguyễn Du cũng không dùng nó một cách khách quan theo kiểu kể thuật thông tin, mà dùng với nghĩa trừu tượng để chỉ cảm xúc, tâm lý của con người: *mùi Thiền, mùi ca ngâm, mùi đắng cay, mùi nhớ*.

Kỳ lạ nhất là hai từ *hương* và *thơm*, hai từ này được sử dụng nhiều một cách áp đảo trong nhóm từ vựng chỉ khứu giác này: 62 lần, trong đó: *hương* 57 lần và *thơm* 5 lần (Đào, 1974, tr. 185-186). Từ *thơm* là một nét nghĩa của *hương* (mùi thơm), nên thường được dùng như tính từ (*cỏ thơm, hoa thơm...*), trong đó có một lần Nguyễn Du dùng nó như một danh từ làm cho mấy trăm năm người ta còn phục mãi (*thơm rơi*). Từ *hương* với 57 lần dùng, khiến người đọc như được thưởng thức một đại tiệc về mùi hương. Đó là “*hương lửa/ lửa hương*” nồng cháy của tình yêu như một định mệnh tiền kiếp. Đó cũng là những gì thơm tho tốt đẹp của con người (*hương lân, thư hương, hương bay dặm phần...*). Nhưng phong phú nhất là *hương* gắn với thế giới người đẹp: *hương khuê, phòng hương, xe hương, phấn hương*, là *Thiên hương, hương trời, hương thừa, hương (gây mùi nhớ), (dãi là) hương lộn...* để chỉ người đẹp, hay chỉ chính Thúy Kiều. Chỉ có người tốt đẹp, những giai nhân tài tử mới có hương thơm hay hoạt động trong bầu không khí đậm hương thơm – đó là một nguyên tắc nghệ thuật.

Đối với người nghệ sĩ ngôn từ thì làm văn chương phải trọng chữ nghĩa, phải biết dùng chữ nghĩa một cách có nghệ thuật, không được dễ dãi, không chỉ dùng nó như những thông tin vô cảm. Đó cũng là một nguyên tắc thuộc về sáng tạo nghệ thuật. Với việc dùng từ *huơng/ thom* có số lượng xuất hiện áp đảo so với những mùi trung tính và xấu, cho thấy nguyên tắc sáng tác, tư duy nghệ thuật của Nguyễn Du thiên về hương lãng mạn chủ nghĩa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Đào, D. A. (1974). *Từ điển Truyện Kiều*. NXB Khoa học Xã hội.

Nguyễn, D. (1999). Truyện Kiều. In trong T. G. Nguyễn, & C. Trương (Biên khảo & chú giải) *Nguyễn Du, tác phẩm và lịch sử văn bản*. NXB TP. Hồ Chí Minh.